TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/ST-HNGĐ
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Võ Bá Lưu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc
Ông Đặng Văn Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2019/TLST ngày 30 tháng 12 năm 2019, về việc ly hôn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1281/2020/QĐ-ST ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Hải O, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn 16, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt
- *Bị đơn:* Anh Mai Quảng N, sinh năm 1988

Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Xã Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình Hiện cư trú tại CHLB Đức theo địa chỉ: 30 V – Sr – be – Hambugr Gremy – Germany. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Thân nhân của anh Mai Quảng N, bà : Trần Thị D, sinh năm 1952 – Địa chỉ: 123 Tt, xã Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo khởi kiện đề ngày 05/9/2019 về việc xin ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn chị Lưu Thị Hải Oanh trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Hải O và anh Mai Quảng N có quá trình tìm hiểu yêu nhau và quyết định kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/6/2017 là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, anh N không chịu làm ăn suốt ngày nhậu nhẹt, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Khoảng tháng 5/2018 anh N đi nước

ngoài làm ăn. Từ khi anh đi đến nay anh ít liên lạc về với vợ con nhưng khi liên lạc anh lại đề cập đến việc ly hôn. Vì vậy, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Mai Tuệ N1, sinh ngày 20/10/2017. Hiện con đang ở với chị O, sau khi ly hôn nguyện vọng chị xin được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng)

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Mai Quảng N làm 02 bản tự khai đề ngày 15/5/2020, anh N trình bày:* Anh và chị Lưu Thị Hải O có quá trình tìm hiểu và kết hôn tại UBND xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/6/2017 là hoàn toàn tự nguyện. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên anh quyết định đi nước ngoài làm ăn. Anh biết được việc Toà án đang giải quyết việc ly hôn nhưng anh không thể về nước được, đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị Lưu Thị Hải O được ly hôn và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 01 con chung là Mai Tuệ N1, sinh ngày 20/10/2017. Hiện con đang ở với chị O, sau khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị O chăm sóc, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 30/7/2020, bà Trần Thị D, sinh năm 1952 – Địa chỉ: 123 T, xã Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là mẹ đẻ của anh Mai Quảng N, bà D trình bày: Bà biết việc chị O con dâu bà làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với anh Mai Quảng N. Gia đình biết sự việc đã khuyên nhủ hai con nhưng không đem lại kết quả. Nay hai con muốn giải quyết ly hôn bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà xác định vợ chồng O - N có 01 con chung là cháu Mai Tuệ N1 hiện đang ở với chị O. Tại Toà án bà được đọc bản tự khai đề ngày 15/5/2020 mang tên Mai Quảng N đúng là chữ ký và chữ viết của anh Mai Quảng N con trai bà.

Tại bản tự khai đề ngày 18/6/2020 chị Lưu Thị Hải O xác nhận chữ viết và chữ ký tại bản tự khai đề ngày 15/5/2020 mang tên Mai Quảng N đúng là chữ ký, chữ viết của anh Mai Quảng N.

Tại bản kết luận giám định số 965/PC09 (GĐ) ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Bản tự khai đứng tên Mai Quảng N lập ngày 15/5/2020 được so với chữ ký tại Giấy chứng nhận kết hôn số 32 là do cùng một người ký ra.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp tại văn bản số 3752/UTTPDS-TA46 ngày 20/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an với nội dung: Anh Mai Quảng N, sinh ngày 08/5/1988 đã xuất cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 12/9/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Toà án đã tiến hành mở phiên họp và phiên hoà giải vào các ngày 30/6/2020 và ngày 30/7/2020 Nguyên đơn chị O có mặt, bị đơn anh Mai Quảng N vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, chị Lưu Thị Hải O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Quảng N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lưu Thị Hải O và anh Mai Quảng N được ly hôn. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Mai Tuệ N1 cho chị Oanh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con theo thoả thuận. Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Lưu Thị Hải O, sinh năm 1987 - Địa chỉ: Thôn 16, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đối với bị đơn anh Mai Quảng Nam, sinh năm 1988 - Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Xã Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình Hiện cư trú tại CHLB Đức theo địa chỉ: 30 V – Sr – be – Hambugr Gremy – Germany. Trong thời gian Toà án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn anh Mai Quảng N đang cư trú tại nước ngoài, do đó căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 476 BLTTDS Toà án thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 474 BLTTDS đối với các đương sự. Bị đơn anh Mai Quảng N đang ở nước ngoài nên Toà án đã tiến hành uỷ thác thông qua cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức, anh Mai Quảng N đã có bản tự khai gửi cho Tòa án.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Lưu Thị Hải O có mặt. Bị đơn anh Mai Quảng N vắng mặt, anh có đơn xin giải quyết vắng mặt cho anh và chị Lưu Thị Hải O được ly hôn. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Hải O và anh Mai Quảng N có quá trình tìm hiểu yêu nhau và tiến tới hôn nhân một cách tự nguyện, đã cùng nhau đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/6/2017, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Mai Quảng N và chị Lưu Thị Hải O thống nhất cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 5/2018 anh N quyết định đi nước ngoài làm ăn. Chị O cho rằng từ

khi anh đi nước ngoài đến nay anh ít liên lạc về với vợ con nhưng khi liên lạc anh lại đề cập đến việc ly hôn. Vì vậy, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh Nam cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị O và anh N chưa được lâu nhưng cả hai đều không biết quý trọng tình cảm vợ chồng, không biết vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Khi anh N đi nước ngoài làm ăn vợ chồng xa nhau lẽ ra anh chị sẽ có thời gian suy nghĩ để sửa chữa sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc để nuôi dạy con cái nhưng ngược lại cả anh chị đều mong muốn ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của chị O và anh N không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O để xử cho chị và anh Mai Quảng N được ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Mai Tuệ N1, sinh ngày 20/10/2017. Hiện con đang ở với chị O, sau khi ly hôn chị xin được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ, anh N đồng ý.

Xét tại đây là sự tự nguyện thoả thuận của chị O và anh N trong việc trong việc nuôi dưỡng chăm sóc con sau khi ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để ghi nhận sự thoả thuận của chị O và anh N để giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000đ đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Lưu Thị Hải O và Mai Quảng N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Lưu Thị Hải O phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Anh Mai Quảng N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 235, khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, xử: Chị Lưu Thị Hải O được ly hôn anh Mai Quảng Nam.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Lưu Thị Hải O và anh Mai Quảng N: Giao con chung Mai Tuệ N1, sinh ngày 20/10/2017 cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng anh Mai Quảng N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000đ kể từ tháng 10/2020 đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh Mai Quảng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản.

3.Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí Toà án: Chị Lưu Thị Hải O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0006829 ngày 25/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị O đã nộp đủ.

Anh Mai Quảng N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn Lưu Thị Hải O có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mai Quảng N biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Bá Lưu